**Quy định phối hợp thực hiện một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự về quản lý, giải quyết các vụ án, vụ việc tạm đình chỉ**

**1. Trường hợp tạm đình chỉ điều tra đối với từng bị can theo quy định tại khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng hình sự** **(quy định về trường hợp vụ án có nhiều bị can mà lý do tạm đình chỉ điều tra không liên quan đến tất cả bị can thì có thể tạm đình chỉ điều tra đối với từng bị can)** **thì cơ quan có thẩm quyền điều tra thực hiện như thế nào?**

**Trả lời: (mang tính chất tham khảo)**

Điều 6 Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP-BNN&PTNT-BTC-BTP ngày 01/6/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định phối hợp thực hiện một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự về quản lý, giải quyết các vụ án, vụ việc tạm đình chỉ, quy định như sau:

1. Việc phối hợp giữa cơ quan có thẩm quyền điều tra và Viện kiểm sát về tạm đình chỉ điều tra thực hiện theo quy định tại Điều 32 Thông tư liên tịch số 04/2018/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 19/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng quy định về phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2.Trường hợp tạm đình chỉ điều tra theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 229 Bộ luật Tố tụng hình sự thì cơ quan có thẩm quyền điều tra ra quyết định tạm đình chỉ khi Viện kiểm sát quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh tâm thần hoặc khi cơ quan có thẩm quyền kết luận tình trạng bệnh hiểm nghèo của bị can.

3. Khi có căn cứ tạm đình chỉ điều tra quy định tại Điều 229 Bộ luật Tố tụng hình sự, trường hợp cần phối hợpvề việc quản lý, xử lý vật chứng, tài liệu, đồ vật, tài sản tạm giữ; việc áp dụng, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế (nếu có) và biện pháp giải quyết lý do tạm đình chỉ thì chậm nhất 10 ngày trước khi hết thời hạn điều tra, cơ quan có thẩm quyền điều tra trao đổi bằng văn bản với Viện kiểm sát trước khi ra quyết định tạm đình chỉ điều tra.

4. Trường hợp tạm đình chỉ điều tra đối với từng bị can theo quy định tại khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng hình sự thì cơ quan có thẩm quyền điều tra thực hiện như sau:

a) Ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với bị can và quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can;

b) Lập hồ sơ tạm đình chỉ điều tra đối với từng bị can; hồ sơ gồm các quyết định tố tụng, tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án có liên quan đến bị can tạm đình chỉ. Quyết định tố tụng, tài liệu, chứng cứ phải là bản gốc hoặc bản sao y bản chính. Việc sao y thực hiện theo quy định của các bộ, ngành có liên quan.

5. Quyết định tạm đình chỉ điều tra được thực hiện theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Công an quy định.

Việc gửi, thông báo quyết định tạm đình chỉ điều tra thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 229 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trường hợp vụ án do Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khởi tố sau đó chuyển cho Cơ quan điều tra để giải quyết theo thẩm quyền, thì khi Cơ quan điều tra ra quyết định tạm đình chỉ điều tra phải thông báo bằng văn bản cho Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

6. Việc lập hồ sơ, quản lý hồ sơ vụ án tạm đình chỉ điều tra thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, Thông tư liên tịch này và quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.

7.Khi vụ án tạm đình chỉ điều tra thì cơ quan có thẩm quyền điều tra chỉ áp dụng các biện pháp để giải quyết lý do tạm đình chỉ.

Như vậy, trường hợp tạm đình chỉ điều tra đối với từng bị can theo quy định tại khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng hình sự thì cơ quan có thẩm quyền điều tra thực hiện theo quy định tại khoản 4 nêu trên.

**2. Anh Nguyễn Văn Trường hỏi: trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự, đối với vụ án tạm đình chỉ nhưng đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, Tòa án ra ngay quyết định đình chỉ vụ án mà không phải ra quyết định phục hồi vụ án có đúng không?**

**Trả lời: (mang tính chất tham khảo)**

Điều 11 Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP-BNN&PTNT-BTC-BTP ngày 01/6/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định phối hợp thực hiện một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự về quản lý, giải quyết các vụ án, vụ việc tạm đình chỉ, quy định như sau:

1. Khi có lý do để hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ vụ án và vẫn còn thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự thì Tòa án ra quyết định phục hồi vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 283 Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Đối với vụ án tạm đình chỉ nhưng đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, Tòa án ra ngay quyết định đình chỉ vụ án mà không phải ra quyết định phục hồi vụ án.

3. Đối với vụ án đang tạm đình chỉ mà có một trong các căn cứ đình chỉ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 282 Bộ luật Tố tụng hình sự (trừ trường hợp đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự), Nghị quyết số 32/1999, Nghị quyết số 33/2009, Nghị quyết số 41/2017 mà còn thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự thì Tòa án phải ra quyết định phục hồi vụ án, tiến hành ngay các hoạt động tố tụng để xác minh các căn cứ đình chỉ, ra quyết định đình chỉ vụ án.

4. Việc xác định thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 nêu trên được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư liên tịch này. Trường hợp Cáo trạng truy tố bị can phạm tội thuộc khoản, điều của Bộ luật Hình sự khác với khoản, điều ghi trong quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can thì việc xác định thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự căn cứ theo khoản, điều của Bộ luật Hình sự ghi trong Cáo trạng.

Như vậy, căn cứ quy định nêu trên, đối với vụ án tạm đình chỉ nhưng đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, Tòa án ra ngay quyết định đình chỉ vụ án mà không phải ra quyết định phục hồi vụ án là đúng theo quy định của pháp luật.

**3. Việc lập hồ sơ, quản lý hồ sơ vụ án, vụ việc tạm đình chỉ được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời: (mang tính chất tham khảo)**

Điều 14 Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP-BNN&PTNT-BTC-BTP ngày 01/6/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định phối hợp thực hiện một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự về quản lý, giải quyết các vụ án, vụ việc tạm đình chỉ, quy định như sau:

1. Cơ quan có thẩm quyền điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phối hợp trong việc lập hồ sơ, quản lý hồ sơ vụ án, vụ việc tạm đình chỉ như sau:

a) Phân công đầu mối theo dõi, thường xuyên trao đổi các vấn đề phát sinh liên quan đến vụ án, vụ việc tạm đình chỉ;

b) Thống kê đầy đủ, chính xác số lượng vụ án, vụ việc tạm đình chỉ phát sinh trong tuần, tháng; tổng số vụ án, vụ việc tạm đình chỉ do cơ quan mình theo dõi;

c) Theo dõi, quản lý chặt chẽ hồ sơ vụ án, vụ việc tạm đình chỉ; thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự của mỗi vụ án; việc bổ sung tài liệu, chứng cứ vào hồ sơ vụ án, vụ việc (nếu có); việc khắc phục lý do tạm đình chỉ; kịp thời ra các quyết định giải quyết vụ án, vụ việc khi đủ điều kiện.

2. Định kỳ (hằng tháng, 06 tháng, 01 năm), Viện kiểm sát chủ trì, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng rà soát, đối chiếu, phân loại, thống nhất xử lý, giải quyết các vụ án, vụ việc tạm đình chỉ như sau:

a) Cơ quan có thẩm quyền điều tra phối hợp với Viện kiểm sát đưa ra khỏi danh sách vụ việc tạm đình chỉ đối với những vụ việc đã có quyết định phục hồi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố;

b) Cơ quan có thẩm quyền điều tra phối hợp với Viện kiểm sát đưa ra khỏi danh sách vụ án tạm đình chỉ điều tra đối với những trường hợp đã có quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ điều tra vụ án đối với bị can, quyết định phục hồi điều tra;

c) Viện kiểm sát, Tòa án chủ động đưa ra khỏi danh sách vụ án tạm đình chỉ đối với những trường hợp đã có quyết định đình chỉ vụ án, đình chỉ vụ án đối với bị can, bị cáo, quyết định phục hồi vụ án.

Như vậy, việc lập hồ sơ, quản lý hồ sơ vụ án, vụ việc tạm đình chỉ được pháp luật quy định như trên.

**4. Anh Trần Văn Hào có em trai là bị can trong vụ án hình sự tạm đình chỉ. Trong đó, co quan có thẩm quyền có thu giữ một số vật chứng và tài sản. Anh Hào muốn biết những vật chứng, tài sản tạm giữ trong vụ án tạm đình chỉ sẽ được quản lý, xử lý như thế nào?**

**Trả lời: (mang tính chất tham khảo)**

Điều 13 Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP-BNN&PTNT-BTC-BTP ngày 01/6/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định phối hợp thực hiện một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự về quản lý, giải quyết các vụ án, vụ việc tạm đình chỉ, quy định như sau:

1. Việc quản lý, xử lý vật chứng, tài liệu, đồ vật, tài sản tạm giữ trong vụ án, vụ việc tạm đình chỉ được thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 90 (vật chứng đưa về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng bảo quản thì cơ quan Công an nhân dân, Quân đội nhân dân, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm bảo quản vật chứng trong giai đoạn điều tra, truy tố; cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm bảo quản vật chứng trong giai đoạn xét xử và thi hành án) và khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (quy định thẩm quyền của cơ quan, người có thẩm quyền trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử). Trường hợp xử lý vật chứng, tài liệu, đồ vật, tài sản tạm giữ có tính chất phức tạp thì các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trao đổi, thống nhất bằng văn bản biện pháp xử lý trước khi ra quyết định xử lý.

2. Quyết định xử lý vật chứng, tài liệu, đồ vật, tài sản tạm giữ được gửi ngay cho cơ quan quản lý vật chứng, tài sản tạm giữ, người có liên quan để thực hiện. Trường hợp tạm đình chỉ vụ án, vụ việc nhưng không xử lý vật chứng, tài liệu, đồ vật, tài sản tạm giữ thì cơ quan ra quyết định thông báo cho cơ quan quản lý vật chứng, tài sản tạm giữ để tiếp tục bảo quản. Trong quá trình quản lý, nếu phát hiện vật chứng, tài sản tạm giữ bị hư hỏng, biến chất hoặc có thể gây mất an toàn thì cơ quan, người quản lý vật chứng, tài sản tạm giữ kịp thời thông báo cho cơ quan ra quyết định tạm đình chỉ để có biện pháp xử lý.

Như vậy, những vật chứng, tài sản tạm giữ trong vụ án tạm đình chỉ sẽ được quản lý, xử lý được pháp luật quy định như trên. Anh Hào tham khảo để thực hiện yêu cầu của mình.

**5. Anh Lại Trần Cam có em trai phạm tội “cố ý gây thương tích”. Trong giai đoạn truy tố thì có kết luận** **giám định tư pháp xác định em trai anh bị bệnh hiểm nghèo. Vậy trong trường hợp này cơ quan có thẩm quyền có tạm đình chỉ vụ án không?**

**Trả lời: (mang tính chất tham khảo)**

Điều 8 Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP-BNN&PTNT-BTC-BTP ngày 01/6/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định phối hợp thực hiện một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự về quản lý, giải quyết các vụ án, vụ việc tạm đình chỉ, quy định như sau:

1. Trường hợp có căn cứ tạm đình chỉ vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 247 Bộ luật Tố tụng hình sự thì Viện kiểm sát ra quyết định tạm đình chỉ vụ án cùng với quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh tâm thần hoặc khi cơ quan có thẩm quyền kết luận tình trạng bệnh hiểm nghèo của bị can.

2. Trường hợp có căn cứ tạm đình chỉ vụ án theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 247 Bộ luật Tố tụng hình sự thì trước khi hết thời hạn quyết định việc truy tố, Viện kiểm sát xem xét việc quyết định tạm đình chỉ vụ án hoặc gia hạn thời hạn quyết định việc truy tố.

3. Trường hợp quyết định tạm đình chỉ vụ án theo khoản 1 và khoản 2 nêu trên thì Viện kiểm sát phải xem xét quyết định việc quản lý, xử lý vật chứng, tài liệu, đồ vật, tài sản tạm giữ; việc áp dụng, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế (nếu có) và việc đôn đốc khắc phục lý do tạm đình chỉ.

4. Trước khi ra quyết định tạm đình chỉ vụ án, Viện kiểm sát phải xem xét, đánh giá toàn bộ chứng cứ để quyết định tạm đình chỉ vụ án hoặc tạm đình chỉ vụ án đối với từng bị can. Trường hợp Viện kiểm sát quyết định tạm đình chỉ vụ án đối với từng bị can theo quy định tại khoản 2 Điều 247 Bộ luật Tố tụng hình sự thì thực hiện như sau:

a) Ra quyết định tạm đình chỉ vụ án đối với bị can;

b) Lập hồ sơ vụ án tạm đình chỉ ở giai đoạn truy tố đối với từng bị can; hồ sơ gồm các quyết định tố tụng, tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án có liên quan đến bị can tạm đình chỉ. Quyết định tố tụng, tài liệu, chứng cứ phải là bản gốc hoặc bản sao y bản chính. Việc sao y thực hiện theo quy định của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

5. Quyết định tạm đình chỉ vụ án thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 247 Bộ luật Tố tụng hình sự và theo mẫu do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định.

Việc giao, gửi, thông báo quyết định tạm đình chỉ vụ án thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 240 Bộ luật Tố tụng hình sự.

6. Việc lập hồ sơ, quản lý hồ sơ vụ án tạm đình chỉ thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, Thông tư liên tịch này và quy định của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

7. Sau khi ra quyết định tạm đình chỉ vụ án, Viện kiểm sát chỉ áp dụng các biện pháp để giải quyết lý do tạm đình chỉ.

8. Trường hợp tạm đình chỉ vụ án do bị can bỏ trốn thì sau khi truy nã bắt được bị can, Cơ quan điều tra đã thụ lý vụ án kịp thời thông báo cho Viện kiểm sát để xem xét phục hồi vụ án.

Như vậy, căn cứ quy định nêu trên, khi có kết luận giám định tư pháp xác định em trai anh Cam bị bệnh hiểm nghèo, thì Viện kiểm sát ra quyết định tạm đình chỉ vụ án cùng với quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh tâm thần hoặc khi cơ quan có thẩm quyền kết luận tình trạng bệnh hiểm nghèo của em trai anh Cam.

**6. Trong giai đoạn xét xử, anh trai của chị Trương Thị Mơ là bị cáo trong vụ án “trộm cắp tài sản”, có kết luận giám định tư pháp xác định em trai chị bị bệnh tâm thần. Chị Mơ muốn biết anh trai chị có được áp dụng biện pháp bắt buộc đi chữa bệnh không?**

**Trả lời: (mang tính chất tham khảo)**

Điều 10 Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP-BNN&PTNT-BTC-BTP ngày 01/6/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định phối hợp thực hiện một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự về quản lý, giải quyết các vụ án, vụ việc tạm đình chỉ, quy định như sau:

1. Trường hợp tạm đình chỉ vụ án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 229 Bộ luật Tố tụng hình sự mà phải áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh thì Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ cùng với quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

Trường hợp tại phiên tòa, việc tạm đình chỉ vụ án do Hội đồng xét xử quyết định theo quy định tại khoản 1 Điều 290, khoản 4 và điểm d khoản 6 Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Trường hợp tạm đình chỉ vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 281 Bộ luật Tố tụng hình sự thì trước khi hết thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án xem xét quyết định tạm đình chỉ vụ án hoặc gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử.

3. Khi quyết định tạm đình chỉ vụ án theo khoản 1 và khoản 2 nêu trên, Tòa án phải xem xét quyết định việc quản lý, xử lý vật chứng, tài liệu, đồ vật, tài sản tạm giữ; việc áp dụng, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế (nếu có) và việc đôn đốc khắc phục lý do tạm đình chỉ.

4. Trước khi ra quyết định tạm đình chỉ vụ án, Tòa án phải xem xét, đánh giá toàn bộ chứng cứ để quyết định tạm đình chỉ vụ án hoặc tạm đình chỉ vụ án đối với từng bị can, bị cáo. Trường hợp tạm đình chỉ vụ án đối với từng bị can, bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 281 Bộ luật Tố tụng hình sự thì Tòa án thực hiện như sau:

a) Ra quyết định tạm đình chỉ vụ án đối với bị can, quyết định tạm đình chỉ vụ án đối với bị cáo;

b) Lập hồ sơ vụ án tạm đình chỉ ở giai đoạn xét xử đối với từng bị can, bị cáo; hồ sơ gồm các quyết định tố tụng, tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án có liên quan đến bị can, bị cáo tạm đình chỉ. Quyết định tố tụng, tài liệu, chứng cứ phải là bản gốc hoặc bản sao y bản chính. Việc sao y thực hiện theo quy định của Tòa án nhân dân tối cao.

5. Việc giao, gửi quyết định tạm đình chỉ vụ án thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 286 Bộ luật Tố tụng hình sự.

6. Việc lập hồ sơ, quản lý hồ sơ vụ án tạm đình chỉ thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, Thông tư liên tịch này và quy định của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

7. Sau khi ra quyết định tạm đình chỉ vụ án, Tòa án chỉ áp dụng các biện pháp để giải quyết lý do tạm đình chỉ.

8.Trường hợp tạm đình chỉ vụ án do bị can, bị cáo bỏ trốn thì sau khi truy nã bắt được bị can, bị cáo, Cơ quan điều tra đã thụ lý vụ án kịp thời thông báo cho Tòa án để Tòa án xem xét phục hồi vụ án.

Như vậy, căn cứ quy định nêu trên, trong giai đoạn xét xử, nếu anh trai chị Mơ cókết luận giám định tư pháp xác định bị bệnh tâm thần mà phải áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh thì Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ cùng với quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với em trai chị.